

Số: 55/2026/QĐST-VHNGĐ

Quảng Trị, ngày 25 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 66/2026/TLST-VHNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình: ông **Hoàng Minh V**, sinh năm 1991, CCCD số: 045091009850 và bà **Nguyễn Thị Huyền T**, sinh năm 1992, CCCD số: 044192014199; cùng địa chỉ: số G đường N, khu phố D, phường N, tỉnh Quảng Trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về hôn nhân*: ông Hoàng Minh V và bà Nguyễn Thị Huyền T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/5/2016, tại U, thành phố Đ (nay là phường N), tỉnh Quảng Trị; sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn; mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả và hiện nay đã ly thân; nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông, bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con.

[2] *Về con chung*: ông Hoàng Minh V và bà Nguyễn Thị Huyền T có 01 con chung là cháu Hoàng Mạnh Q, sinh ngày 10/01/2019; ly hôn, hai bên thỏa thuận giao bà Nguyễn Thị Huyền T quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; ông Hoàng Minh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 3/2026 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: ông Hoàng Minh V và bà Nguyễn Thị Huyền T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về lệ phí Tòa án*: ông Hoàng Minh V và bà Nguyễn Thị Huyền T thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Hoàng Minh V và bà Nguyễn Thị Huyền T (*Giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận kết hôn số 16, do Ủy ban nhân dân Phường U, thành phố Đ (nay là phường N), tỉnh Quảng Trị cấp ngày 24/5/2016 hết hiệu lực kể từ ngày ban hành quyết định này*).

1.2. Về con chung:

- Giao bà Nguyễn Thị Huyền T quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Mạnh Q, sinh ngày 10/01/2019;

- Ông Hoàng Minh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 2.000.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 3/2026 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Ông Hoàng Minh V có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông Hoàng Minh V thực hiện quyền này.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với số tiền chậm thi hành án, tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: ông Hoàng Minh V và bà Nguyễn Thị

Huyền T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: ông Hoàng Minh V và bà Nguyễn Thị Huyền T thỏa thuận mỗi người chịu số tiền 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000914 ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị (ông V và bà T đã nộp đủ lệ phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 5-Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị
(Phòng THADS KV5);
- UBND phường Nam Đông Hà;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VDS, Tổ HC-TP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Đàn